

Số: 51 /BCTN-TP

Nam Bình, ngày 07 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THCS Trần Phú đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có Báo cáo như sau:

A. BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có)

Tên trường: Trường THCS Trần Phú, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Trụ sở chính: Thôn 10 xã Nam Bình, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Điện thoại: 02613609222

Website: <http://c2tranphu.pgddaksong.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sứ mạng nhà trường: Xây dựng môi trường học tập có nề nếp, kỷ cương, chất lượng cao để mỗi học sinh có cơ hội phát triển năng lực và sự sáng tạo.

Tầm nhìn: Xây dựng một trong những trường đạt chất lượng tốt. Nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.

Mục tiêu: Chất lượng giáo dục là uy tín, danh dự của nhà trường.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trải qua gần 20 năm hình thành và phát triển, trường THCS Trần Phú đã khẳng định được chức năng, nhiệm vụ, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày được ổn định, giữ vững và nâng lên, năm sau cao hơn năm trước. Tỷ lệ học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh ngày càng tăng mạnh cả về số lượng và chất lượng. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn 2030 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp cơ bản trong quá trình vận động xây dựng và phát triển của nhà trường đồng thời đây cũng là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hiệu trưởng, lãnh đạo nhà trường,

các tổ chức đoàn thể và tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh học sinh nhà trường.

Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ. Phòng học, phòng chức năng phòng bộ môn với trang thiết bị đảm bảo với công tác dạy và học. Khu vui chơi, đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Nhà trường chú trọng phong trào xanh - sạch - đẹp – an toàn.

Tổng diện tích 16.769m² với 02 điểm trường, điểm trung tâm tại thôn 10 (7.576m²) và điểm lẻ tại thôn 7 (9.193 m²) xã Nam Bình, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Ngày 04/5/2020, UBND tỉnh Đăk Nông ban hành Quyết định số 609/QĐ-UBND về việc cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 cho Trường trung học cơ sở Trần phú, xã Nam Bình, huyện Đăk Song.

Năm học 2024 - 2025, trường có 23 lớp với 977 học sinh; có 48 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ: Bà Trần Thị Thanh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 10 xã Nam Bình, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

Điện thoại: 0914117555

Gmail: tranthanhpgd.daksong@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Trường THCS Trần Phú được thành lập theo Quyết định số 1869/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 10 năm 2005 của UBND huyện Đăk Song; ngày 13/12/2019 UBND huyện Đăk Song ban hành Quyết định số 1779/QĐ-UBND về việc sáp nhập trường trung học cơ sở Nguyễn Công Trứ và trường trung học cơ sở Trần Phú để thành lập trường trung học cơ sở Trần Phú xã Nam Bình huyện Đăk Song tỉnh Đăk Nông với 02 điểm trường, điểm Trung tâm tại thôn 10 và điểm trường lẻ tại thôn 7.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TT- BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND huyện Đăk Song nhiệm kỳ 2021- 2026; Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND huyện Đăk Song về việc bổ sung, kiện toàn chức danh thành viên Hội đồng trường các trường mầm non, tiểu học, trung học thuộc huyện nhiệm kỳ 2021-2026. Hội đồng trường gồm 07 thành viên: Bí thư Chi bộ- Hiệu trưởng nhà trường; Chủ tịch Công đoàn; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đại

diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng; Đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh. Đồng chí Trần Văn Huân – Chủ tịch Công đoàn trường làm chủ tịch Hội đồng trường.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

1. Hiệu trưởng: Trần Thị Thanh

Ngày tháng năm sinh: 05/5/1977

Bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Trần Phú từ ngày 02/3/2020 theo Quyết định số 246/QĐ-UBND, ngày 28/02/2020 của UBND huyện Đắk Song về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Trần Phú, xã Nam Bình.

Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 04 năm 6 tháng.

2. Phó hiệu trưởng:

2.1. Lê Ngọc Định

Ngày tháng năm sinh: 18/06/1981

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Trần Phú từ ngày 02/3/2020 theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày 28/02/2020 của UBND huyện Đắk Song về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Trần Phú, xã Nam Bình.

Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 04 năm 6 tháng.

2.2. Phạm Văn Quang

Ngày tháng năm sinh: 08/10/1979

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Trần Phú từ ngày 02/3/2020 theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày 28/02/2020 của UBND huyện Đắk Song về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Trần Phú, xã Nam Bình.

Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 04 năm 6 tháng.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Nhà trường ban hành đầy đủ các Quyết định trong năm học 2024-2025 như: Quyết định phân công nhiệm vụ và quyền hạn trong nhà trường; Quyết định thành lập tổ; Quyết định tổ trưởng, tổ phó các tổ; Quyết định Hội đồng thi đua, khen thưởng; Quyết định phân công kiêm nhiệm và chuyên môn; Quyết định phân chủ nhiệm lớp; Quyết định kiểm tra nội bộ trường học; Quy chế thi đua khen thưởng; Sơ đồ tổ chức bộ máy trong nhà trường....

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có)

Quyết định số 1779/QĐ-UBND về việc sáp nhập trường trung học cơ sở Nguyễn Công Trứ và trường trung học cơ sở Trần Phú để thành lập trường trung học cơ sở Trần Phú xã Nam Bình huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông với 02 điểm trường, điểm Trung tâm tại thôn 10 và điểm trường lẻ tại thôn 7.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục

1. Hiệu trưởng: Bà Trần Thị Thanh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 10 xã Nam Bình, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

Điện thoại: 0914117555

Gmail: tranthanhpqd.daksong@gmail.com

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Thực hiện theo Điều 11 của theo Thông tư số 32/2020TT- BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 23/QĐ-TP, ngày 04/9/2024 của trường THCS Trần Phú về việc phân công nhiệm vụ và quyền hạn trong nhà trường năm học 2024 – 2025.

2. Phó Hiệu trưởng

2.1. Ông: Lê Ngọc Định

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 10 xã Nam Bình, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

Điện thoại: 0942888130

Gmail: lengocdinhh81@gmail.com

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Thực hiện theo Điều 11 của theo Thông tư số 32/2020TT- BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 23/QĐ-TP, ngày 04/9/2024 của trường THCS Trần Phú về việc phân công nhiệm vụ và quyền hạn trong nhà trường năm học 2024 – 2025.

2.2. Ông: Phạm Văn Quang

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 10 xã Nam Bình, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

Điện thoại: 0932584333

Gmail: haoquang1979@gmail.com

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Thực hiện theo Điều 11 của theo Thông tư số 32/2020TT- BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 23/QĐ-TP, ngày 04/9/2024 của trường THCS Trần Phú về việc phân công nhiệm vụ và quyền hạn trong nhà trường năm học 2024 – 2025.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường (Có văn bản kèm theo).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2024 - 2025

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

TT	Tổ	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		T. số	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Tự nhiên	19	10	11	19	0	1	17	1	
2	Xã hội	13	11	10	13	0		12	1	
3	Năng khiếu, Ngoại ngữ	12	6	7	12	0		11	1	
4	Văn phòng	6	3	5	4	2	0	4	0	2
	Cộng	50	30	33	48	2	1	45	3	3

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	48		1	43	3	1	0	20	24	1				
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	41		1	37	3			19	22	0				
1	Toán	7		1	6				6	1					
2	Lý	3			3				2	1					
3	Hóa	3			2	1			1	2					
4	Sinh	2			2				1	1					
6	Văn	6			5	1			1	5					
7	Ngoại ngữ	4			4				2	2					
8	Công nghệ	1			1					1					
9	Thể dục	3			3				1	2					
10	TPT Đội	1			1					1					
11	Nhạc	2			1	1			2						
12	Mĩ thuật	2			2					2					
13	Tin học	1			1					1					
14	Sử	3			3					3					
15	Địa	2			2				1	1					
16	GDCD	1			1				1						

II	Cán bộ quản lý	3		3				3					
1	Hiệu trưởng	1		1					1				
2	Phó hiệu trưởng	2		2				2					
III	Nhân viên	6		3	1	2							
1	Nhân viên văn thư	0				0							
2	Nhân viên kế toán	1		1									
3	Thủ quỹ												
4	Nhân viên y tế	1				1							
5	Nhân viên thư viện	1		1				1					
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1		1									
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật												
8	Nhân viên công nghệ thông tin												
9	Bảo vệ	2			1	1							

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp hàng năm

STT	Môn	Tổng số	Trình độ		Độ tuổi				Thừa	Thiếu	Ghi chú (GV Đang học ĐH)
			Chuẩn, trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Dưới 30	30 đến 40	40 đến 50	50 đến 60			
Quản lý		3	3				3				
Nhân viên		4	4			2	2		01 (Văn thư)		
Giáo viên		41									
1	Toán	7	7		1	3	3				
2	Lý	3	3		1		2				
3	Hóa	3	3			2	1				
4	Sinh	2	1	1		1	1			01 GV	
5	Văn	6	6		1	1	4			01 GV	
6	Sử	3	3				3				

7	Địa	2	2			1	1				
8	CN	1	1				1				
8	GDC D	1	1		1						
10	Anh	4	4		1	1	2				
11	TD	3	3				3				
12	Nhạc	2		1			2				01 GV
13	MT	2	2			2					
14	Tin	1	1				1				
15	Đội	1	1			1					
Cộng		48	46	2	5	14	29			1	3

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: Hàng năm 100% giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên tham gia đầy đủ công tác bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cũng như học chính trị hệ và các đợt do cấp trên tổ chức.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	20	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12 phòng tại điểm chính và 08 phòng tại điểm lẻ	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	2: phòng tin; 01 phòng thực hành; 01 phòng thí nghiệm	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	1,15	
8	Bình quân học sinh/lớp	42,39	
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	16,768,8 m ² (trong đó: Điểm chính:7.575,8m ² ; điểm lẻ:9.193m ²)	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	20	840m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	5	210m ²

3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)					
3	Diện tích thư viện (m ²)	1(Điểm trung tâm: 80m ²)				
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	320 m ²				
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	1(Điểm trung tâm)		20m ²		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)					
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định					
1.1	Khối lớp:6	2				
1.2	Khối lớp:7	2				
1.3	Khối lớp:8	1				
1.4	Khối lớp:9	1				
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định					
2.1	Khối lớp:6	1				
2.2	Khối lớp:7	1				
2.3	Khối lớp:8	3				
2.4	Khối lớp:9	4				
2.5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)					
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	51				
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng					
1	Ti vi	24				
2	Cát xét					
3	Đầu Video/đầu đĩa					
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4 máy chiếu				
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X	x	x	Diện tích nhà vệ	Diện tích nhà vệ sinh

					vệ sinh 12,75m ²	12,75m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Website: http://c2tranphu.pgddaksong.edu.vn	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THCS Trần Phú đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá cấp trên; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Trần Phú đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Nhà trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá và tổ thư kí tổng hợp gồm 21 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

* Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường theo đúng quy định.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1. Theo kế hoạch, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, sẽ mời đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra công nhận vào tháng 02/2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục năm học

a) Nhà trường ban hành kế hoạch tuyển sinh trong tháng 6 hàng năm (có Kế hoạch kèm theo).

b) Xây dựng Kế hoạch giáo dục phù hợp với đặc điểm, tình hình của đơn vị và được lấy ý kiến rộng rãi trong nhà trường.

c) Có các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho toàn thể học sinh trong toàn trường phù hợp với từng khối lớp do Đoàn Thanh niên và Đội thiếu niên tổ chức và phát động.

2. Thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Trần Phú năm học 2023 – 2024

a) Tổng số học sinh năm học 2024-2025

STT	Khối	Số lớp	Số học sinh	Nữ	HS dân tộc	HS nữ dân tộc	Ghi chú
1	6	6	267	122	6	1	
2	7	6	273	135	7	3	
3	8	5	212	112	5	4	
4	9	6	225	101	5	2	
Tổng		23	977	470	23	10	

b) Kết quả đánh giá học sinh năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1001	266	208	229	298
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	920/1001 (91,9%)	243/266 (91,3%)	185/208 (88,9%)	203/229 (88,7%)	289/298 (96,9%)
2	Khá	82/1001 (8,1%)	23/266	23/208	26/229	9/289 (3,1%)

	(tỷ lệ so với tổng số)		(8,7%)	(11,1%)	(11,3%)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1001	266	208	229	298
1	Giỏi K9, Xuất sắc K 6,7,8 (tỷ lệ so với tổng số)	88/1001(8,8%)	1/266 (0,4%)	5/208 (2,4%)	6/229 (2,6%)	76/298 (25,6%)
2	Khá K9, Tốt K 6,7,8 (tỷ lệ so với tổng số)	511/1001 (51,05%)	150/266 (56,4%)	94/208 (45,2%)	142/229 (62%)	125/298 (41,9%)
3	Trung bình K9 (Đạt: Khỏi 6,7,8) (tỷ lệ so với tổng số)	401/1001 (40,06%)	115/266 (43,2%)	109/208 (52,4%)	80/229 (34,9%)	97/298 (32,5%)
4	Yếu K9 (Chưa đạt K6,7,8) (tỷ lệ so với tổng số)	1/1001 (0,09%)			1/229 (0,5%)	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1000/1001 (99,9%)	266/266 (100%)	208/208 (100%)	228/229 (99,5%)	298/298 (100%)
A	Học sinh giỏi K9, Tốt, Xuất sắc K6,7,8 (tỷ lệ so với tổng số)	191/1001 (19,08%)	39/266 (14,6%)	33/208 (15,7%)	43/229 (18,8%)	76/298 (25,5%)
B	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	125/1001 (12,5%)	0	0	0	125/298
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	22/1001 (2,19%)	4/266 (1,5%)	9/208 (4,3%)	9/229 (3,9%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1/1001 (0,09%)			1/229 (0,43%)	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	23/30	6/5	8/12	6/10	3/3
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	13/1001 (1,29%)	2/226 (0,88%)	2/208 (0,96%)	6/229 (2,62%)	3/298 (1%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					

1	Cấp huyện	39	9	12	7	11
2	Cấp tỉnh/thành phố (gồm thi văn hóa và thi hùng biện tiếng Anh cấp tỉnh)	11		1 sản phẩm hùng biện Tiếng anh cấp tỉnh		10 học sinh văn hóa
3	Tiếng anh IOE cấp tỉnh	17	4	5	1	7
4	Violimpic Toán cấp tỉnh	22	3	9	10	0
5	Lý trên mạng cấp tỉnh, KHTN	18	6	2	10	0
6	Khoa học kĩ thuật cấp tỉnh	1			1 sản phẩm	
7	Công viên địa chất toàn cầu cấp tỉnh	7 sản phẩm	1 sản phẩm	2 sản phẩm	1 sản phẩm	3 sản phẩm
8	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	2		1 sản phẩm		1 sản phẩm
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	298				298
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	298				298
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	76/298 (25,5%)				76/298
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	125/298 (41,9%)				125/298
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	97/298 (32,6%)				97/298
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VII I	Số học sinh nam/số học sinh nữ	506/495	133/133	95/113	127/102	151/147
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	32	7	6	5	14

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Các khoản trong và ngoài ngân sách: Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

a) Trong ngân sách:

- Dự toán giao đầu năm 2024

+ Kinh phí thường xuyên: 9.182.000.000 đồng trong đó, kinh phí chi lương và các khoản phụ cấp theo lương biên chế: 8.354.000.000 đồng; Kinh phí chi thường xuyên, chi lương hợp đồng bảo vệ : 828.000.000 đồng (*Quyết định giao dự toán số 146/QĐ-PGD&ĐT ngày 29/12/2023 của PGD&ĐT Đắk Song*).

+ Chi thường xuyên được giao từ thu Học phí năm 2024: 144.000.000 đồng. Tổng số kinh phí chi thường xuyên, chi lương hợp đồng bảo vệ năm 2024: 972.000.000 đồng. (*Quyết định giao dự toán số 146/QĐ-PGD&ĐT ngày 29/12/2023 của PGD&ĐT Đắk Song*).

+ Kinh phí không thường xuyên: 31.050.000 đồng trong đó: Chế độ hỗ trợ chi phí học tập và cấp bù học phí học sinh theo Nghị định 81/NĐ-CP: 27.000.000 đồng. Chế độ thực hiện Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND: 4.050.000 đồng. (*Quyết định giao dự toán số 146/QĐ-PGD&ĐT ngày 29/12/2023 của PGD&ĐT Đắk Song*).

- Dự toán bổ sung trong năm 2024:

+ Kinh phí giáo viên hợp đồng theo năm học 2023 - 2024 theo Nghị quyết số 42/NQ- HĐND: 27.058.000 đồng (*Quyết định giao dự toán số 92/QĐ-PGD&ĐT ngày 22/05/2024 của PGD&ĐT Đắk Song*)

b. Ngoài ngân sách năm học 2024 - 2025:

- Các khoản kinh phí theo quy định:

+ Học phí :

Hộ khẩu vùng I: 35.000đ/1 tháng x 9 tháng = 315.000 đ

Hộ khẩu vùng II: 20.000đ/1 tháng x 9 tháng = 180.000 đ

Hộ khẩu vùng III: 10.000đ/ 1 tháng x 9 tháng = 90.000 đ

+ Tiền Bảo hiểm y tế: Mức thu 12 tháng: Từ 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025: 759.000 đồng

+ Quỹ Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh: Mức thu: 45.000đ/9 tháng

- Dự kiến các khoản thu và mức thu các khoản thu dịch vụ theo NQ số 06/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông (*Các khoản thu dịch vụ phục vụ trực tiếp cho học sinh*)

+ Thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho học sinh: 10.000 đồng/học sinh/tháng.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong trao đổi thông tin liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh: 50.000 đồng/học sinh/năm học.

- Dự kiến các khoản vận động và tiếp nhận tài trợ, viện trợ theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT:

+ Làm sân khấu mới khoảng 99.000.000 đồng tại điểm trung tâm; san ủi mặt bằng khu GDTC, cải tạo hố nhảy và sơn, xít khung sắt nhà thể chất khoảng 30.000.000 đồng; Tu sửa cơ sở vật chất khác (bàn ghế, rèm, camera, máy tính ti vi trên lớp học, cửa sổ, bóng đèn, đường điện, đường mạng ...) 40.000.000 đồng. Dự kiến huy động 169.000.000 đồng.

+ Dự kiến hỗ trợ các hoạt động giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học trong nhà trường (*Hỗ trợ các hoạt động phong trào, văn nghệ, TDTT, ngoại khóa, thi đua của trường, của lớp trong các ngày lễ lớn, tổ chức khai giảng, tổng kết năm*

học; phục vụ các công trình nghiên cứu khoa học cho toàn thể học sinh trong năm học 2024-2025...). Dự kiến huy động 45.000.000 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Học sinh đạt giải cấp Quốc gia: 03 em cuộc thi Vẽ tranh quốc tế “ Em vẽ Việt Nam, em vẽ nước Nga”; cuộc thi lead with lof scholar cup và cuộc thi Vươn cao ước mơ.

2. Học sinh đạt học sinh giỏi cấp tỉnh: cấp tỉnh các môn văn hóa đạt 10 học sinh (tăng 02 học sinh so *năm học 2022-2023*); trên mạng 58 học sinh (tăng 30 học sinh so *năm học 2022-2023*); Hùng biện tiếng Anh (04 sản phẩm, 1 nhất cấp huyện và 3 sản phẩm đạt giải Khuyến khích cấp huyện); 01 sản phẩm đạt giải Nhất cấp tỉnh và Công viên địa chất toàn cầu đạt 07 sản phẩm với 14 học sinh tham gia. 01 giải Nhì sáng kiến đảm bảo trật tự an ninh trường học.

3. Học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa đạt 44 học sinh (tăng 8 học sinh so *năm học 2022-2023*).

4. 03 sản phẩm với 06 học sinh tham gia cuộc thi KHST giành cho TTNNĐ (02 sản phẩm đạt 1 giải Ba và 1 giải Khuyến khích)

5. 01 giải Nhất, 01 khuyến khích, 01 công nhận cuộc thi Vẽ tranh theo sách cấp huyện. Đạt Giải Nhất toàn đoàn.

6. Tập thể Liên đội đạt giải Nhì cuộc thi Tuyên truyền măng non

7. Tốt nghiệp lớp 9 đạt 100% (*duy trì so với năm học trước*).

8. Giải Ba toàn đoàn Hội khỏe phù đồng cấp huyện năm 2024.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2024 của trường THCS Trần Phú, Báo cáo đã được lấy ý kiến rộng rãi tất cả thành viên trong đơn vị và trong Hội nghị cán bộ, viên chức năm học 2024-2025 ngày 04 tháng 10 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Trang Website nhà trường;
- Các thành viên đơn vị;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thanh